

Số: 18 /2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án
sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 131/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn về dự án quan trọng quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 820/TTr-SKHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 2368/STP-VB ngày 14 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý thực hiện các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 6 năm 2018.

Bãi bỏ Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh và các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố quản lý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng DA, Các phòng NCTH;
- TTCB;
- Lưu: VT, (DA-HN) D.52

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong

QUY ĐỊNH

**Về quản lý thực hiện các chương trình, dự án
sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định việc quản lý thực hiện các chương trình, dự án sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công của Thành phố; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý dự án đầu tư công của Thành phố.

2. Các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), dự án thuộc chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố và các dự án sử dụng toàn bộ vốn sự nghiệp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công, quản lý và sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố, bao gồm: Các đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Thành phố được giao làm chủ chương trình, chủ dự án; các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện chức năng cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Vốn đầu tư công của Thành phố

Vốn đầu tư công của Thành phố thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Nguồn vốn ngân sách Thành phố: Vốn cân đối Ngân sách thành phố, vốn trái phiếu chính quyền địa phương thành phố Hồ Chí Minh, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối Ngân sách thành phố và các khoản vốn vay khác của Ngân sách thành phố, nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

3. Nguồn vốn ngân sách quận - huyện, phường - xã.

Điều 4. Chủ chương trình, chủ đầu tư

1. Chủ chương trình là cơ quan, tổ chức được giao chủ trì quản lý chương trình đầu tư công.

2. Chủ đầu tư là cơ quan, tổ chức được giao quản lý dự án đầu tư công.

3. Việc xác định chủ chương trình, chủ đầu tư; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ chương trình, chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ và theo các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phân loại chương trình đầu tư công

1. Chương trình mục tiêu sử dụng vốn Ngân sách trung ương: là chương trình sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách trung ương để đầu tư trên địa bàn Thành phố theo mục tiêu, nhiệm vụ của riêng Bộ, ngành trung ương; cả Bộ, ngành trung ương và Thành phố hoặc riêng Thành phố.

2. Chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố: là chương trình đầu tư sử dụng toàn bộ vốn Ngân sách thành phố, quận - huyện để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trên địa bàn Thành phố.

Điều 6. Phân loại dự án đầu tư công

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư: xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án.

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

c) Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Căn cứ vào mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C được xác định theo tiêu chí quy định tại các Điều 7, 8, 9 và 10 của Luật Đầu tư công và Phụ lục số I kèm theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

b) Dự án có nhiều hạng mục đầu tư thuộc nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau, việc phân loại dự án căn cứ vào cấu phần đầu tư của ngành, lĩnh vực chiếm tỷ lệ vốn lớn nhất.

Chương II

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 7. Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

1. Đối với chương trình đầu tư công: Chi phí lập, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án đầu tư công: Chi phí lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được thanh toán từ vốn chuẩn bị đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố bố trí.

Điều 8. Thẩm quyền, điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư công. Đối với dự án nhóm A sử dụng Ngân sách thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư, trừ dự án quy định tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 8 Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C (trừ dự án trọng điểm nhóm C) sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.

3. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư công.

4. Dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư không phải thực hiện thủ tục lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Hội đồng thẩm định do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm lãnh đạo các Sở - ngành có liên quan để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư công nhóm A. Sở Kế hoạch

và Đầu tư là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng thẩm định thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án đầu tư công do Thành phố quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C, trừ các dự án tại khoản 3 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn Ngân sách quận - huyện và vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý. Cơ cấu thành viên, nhiệm vụ, quyền hạn và chế độ làm việc của Hội đồng thẩm định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

Điều 10. Thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư), dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý: Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi không phải thực hiện thẩm định nội bộ trước khi trình thẩm định chủ trương đầu tư. Việc thẩm định nội bộ chủ trương đầu tư do Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện.

2. Đối với dự án nhóm A do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư, chương trình, dự án nhóm B, dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách Thành phố: Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm giao đơn vị trực thuộc hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trước khi trình thẩm định chủ trương đầu tư.

Điều 11. Trình tự lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công

1. Chương trình mục tiêu thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Chính phủ:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Sau khi có ý kiến thẩm định của Hội đồng liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố giao cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định và gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân thành phố để trình Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

2. Chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

3. Chương trình sử dụng vốn ngân sách quận - huyện: Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 12. Trình tự lập, thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công

1. Dự án quan trọng quốc gia:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

b) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

c) Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định, trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Dự án nhóm A (trừ dự án do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư):

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn và báo cáo Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định liên ngành do Thủ tướng Chính phủ thành lập hoặc cơ quan được Thủ tướng Chính phủ giao trách nhiệm chủ trì thẩm định.

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

3. Dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách Trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý:

a) Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C:

- Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C:

- Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

4. Dự án nhóm A thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân thành phố, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao chuẩn bị Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư có trách nhiệm: Giao đơn vị trực thuộc lập hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; giao đơn vị trực thuộc có chức năng hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định nội bộ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; hoàn chỉnh Báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định.

Dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp hồ sơ dự án (bao gồm dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm C.

5. Dự án sử dụng nguồn vốn Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý:

a) Đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện được Ủy ban nhân dân thành phố giao vốn phân cấp có trách nhiệm: Giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định nội bộ và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi hồ sơ về Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan, đơn vị hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện lập danh mục dự án nhóm C trên cơ sở chấp thuận phân bổ vốn phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định.

- Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Kế hoạch và Đầu tư về danh mục dự án, Ủy ban nhân dân quận - huyện giao cơ quan, đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư dự án.

6. Dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách quận - huyện:

a) Đối với dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C: Ủy ban nhân dân quận - huyện giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư.

b) Đối với dự án nhóm C: Ủy ban nhân dân quận - huyện giao đơn vị trực thuộc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tổ chức thẩm định và quyết định chủ trương đầu tư.

7. Việc thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn Ngân sách phường - xã - thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định trên cơ sở phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

Điều 13. Hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công

1. Hồ sơ thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công;
- c) Báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan, đơn vị lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư;
- d) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý;
- đ) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ gửi cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn là 05 bộ tài liệu. Cơ quan chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có thể yêu cầu chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

Điều 14. Hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án;
- b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan, đơn vị được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố;

d) Báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đối với dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý;

e) Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A (trừ dự án nhóm A do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư);

g) Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ do Thành phố quản lý;

h) Lệnh khẩn cấp của cấp có thẩm quyền (áp dụng đối với dự án khẩn cấp);

i) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định theo quy định sau:

a) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình: 20 bộ tài liệu;

b) Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A: 15 bộ tài liệu;

c) Báo cáo đề xuất chủ trương dự án nhóm B, nhóm C: 05 bộ tài liệu.

Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có thể yêu cầu chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

Điều 15. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

1. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

b) Các hồ sơ quy định tại Điều 14 Quy định này, trong đó Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đã hoàn chỉnh theo ý kiến của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.

c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan thẩm định.

d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Số lượng hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư là 05 bộ tài liệu. cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư có thể yêu cầu chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án bổ sung số lượng hồ sơ thẩm định nếu thấy cần thiết.

Điều 16. Thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án đầu tư công

Thời gian thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn được tính kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

1. Chương trình: Không quá 40 ngày.
2. Dự án nhóm A: không quá 30 ngày.
3. Dự án nhóm B, C: không quá 15 ngày.

Điều 17. Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công

Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư được tính kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

1. Chương trình: không quá 45 ngày.
2. Dự án nhóm A: không quá 45 ngày.
3. Dự án nhóm B: không quá 30 ngày.
4. Dự án nhóm C: không quá 20 ngày.

Chương III

LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HÀNG NĂM

Điều 18. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo quy định tại Điều 50 Luật Đầu tư công; đồng thời phải căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách Thành phố, nhu cầu và dự báo khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Điều 19. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm phải đảm bảo các nguyên tắc tại Điều 51 Luật Đầu tư công và các nguyên tắc sau:

1. Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố và các quy hoạch đã được phê duyệt.
2. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn Ngân sách thành phố và khả năng thu hút, huy động các nguồn vốn đầu tư. Kế hoạch đầu tư công hàng năm phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.
3. Ưu tiên bố trí vốn thực hiện chương trình, dự án thuộc các Chương trình đột phá đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố.

Điều 20. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm

1. Chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

2. Điều kiện bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm đối với dự án khởi công mới: Ngoài quy định tại khoản 1 điều này, tính đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch phải được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 21. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở mục tiêu, định hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng đầu tư và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Căn cứ quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư tiến hành xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 22. Lập kế hoạch đầu tư công hàng năm

Trước ngày 30 tháng 6 năm trước năm kế hoạch, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm sau, kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố đã được phê duyệt, các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về lập kế hoạch đầu tư công năm sau và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản hướng dẫn cho các sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư về mục tiêu, nội dung, trình tự, thời gian lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

Điều 23. Thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 24. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công điều chỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn Ngân sách thành phố trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Đầu tư công.

Ủy ban nhân dân quận - huyện tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công điều chỉnh để trình Hội đồng nhân dân quận - huyện điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách quận - huyện trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 75 Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn Ngân sách thành phố giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm vốn ngân sách quận - huyện giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân quận - huyện tại kỳ họp gần nhất.

Chương IV

LẬP, THẨM ĐỊNH, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 25. Vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ chương trình trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí lập (trường hợp thuê tư vấn), thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi từ nguồn kinh phí sự nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý dự án đề xuất chi phí tổ chức lập (trường hợp thuê tư vấn), thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư/ Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố/ Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Điều 26. Thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng

1. Căn cứ các trường hợp phải thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng quy định tại Điều 15 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án tại Điều 30, Điều 32 Quy định này báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phương án thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng.

2. Việc tổ chức thi tuyển, tuyển chọn thiết kế kiến trúc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 27. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án đầu tư công

1. Căn cứ quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án xác định các công việc giai đoạn chuẩn bị dự án, phê duyệt dự toán gói thầu tư vấn để triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

2. Cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 52, Điều 53, Điều 54 và Điều 55 Luật Xây dựng. Thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được tính từ khi có quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư đến khi cơ quan quản lý dự án trình duyệt dự án: Không quá 06 (sáu) tháng đối với dự án nhóm C, không quá 10 (mười) tháng đối với dự án nhóm B. Trong trường hợp đấu thầu để lựa chọn tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc phải tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình, thời gian lập dự án được kéo dài thêm không quá 03 (ba) tháng.

3. Chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định nêu trên. Trường hợp thuê tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm quy định rõ trong hợp đồng ký kết với đơn vị tư vấn về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm quy định trong hợp đồng việc thực hiện các biện pháp xử lý đối với đơn vị tư vấn. Đơn vị tư vấn vi phạm về nội dung, chất lượng và thời gian lập Báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ bị xử lý theo quy định hợp đồng và quy định pháp luật có liên quan. Trường hợp dự án bị đình chỉ thực hiện do lỗi của đơn vị tư vấn, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm thu hồi toàn bộ kinh phí chuẩn bị đầu tư đã được tạm ứng cho đơn vị tư vấn để hoàn trả lại cho ngân sách.

Điều 28. Thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công

1. Hội đồng thẩm định thành phố chịu trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình đầu tư công.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư chương trình theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 39 Luật Đầu tư công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định, quyết định đầu tư chương trình sử dụng vốn ngân sách quận - huyện và vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách quận - huyện theo quy định.

Điều 29. Thẩm quyền thẩm định dự án có cấu phần xây dựng

1. Các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy định này giao đơn vị trực thuộc thẩm định dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao phòng có chức năng quản lý xây dựng thẩm định dự án, Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 30. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư dự án nhóm A do Thành phố quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các Sở, Ban Quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng không thuộc khoản 3 Điều này như sau:

a) Sở Xây dựng quyết định đầu tư các công trình dân dụng, công trình sản xuất vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng và công trình xây dựng khác ngoại trừ các công trình tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này.

b) Sở Giao thông vận tải quyết định đầu tư các công trình giao thông (bao gồm các công trình kè trên các tuyến sông, kênh rạch có chức năng giao thông thủy), công trình hạ tầng kỹ thuật; trừ công trình xử lý chất thải rắn, công trình thông tin, truyền thông, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Sở Công thương quyết định đầu tư các công trình công nghiệp trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng và công trình công nghiệp nhẹ.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư các công trình chuyên ngành thông tin, truyền thông, bưu chính, viễn thông.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường quyết định đầu tư các công trình xử lý chất thải rắn, công trình chuyên ngành tài nguyên, môi trường.

g) Ban Quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư các công trình xây dựng thuộc địa giới quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư, bao gồm: Dự án nhóm C; dự án trường phổ thông, trường mầm non nhóm B trở xuống; Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Điều 31. Thẩm quyền thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng

1. Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Trưởng ban Ban quản lý Khu công nghệ cao giao đơn vị trực thuộc thẩm định dự án nhóm B, nhóm C thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư theo phân cấp tại Điều 32 Quy định này. Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng dự án, có thể tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan nhưng phải đảm bảo thời gian thẩm định và quyết định đầu tư dự án theo quy định.

3. Trường hợp cần thiết, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu công nghệ cao gửi văn bản đề nghị Sở Tài chính cho ý kiến về giá của phương tiện, trang thiết bị trước khi phê duyệt; Sở Khoa học và Công nghệ cho ý kiến về công nghệ, thiết bị và các Sở chuyên ngành khác cho ý kiến đối với nội dung của dự án liên quan đến lĩnh vực quản lý.

4. Đối với dự án Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư, căn cứ nội dung, tính chất, quy mô của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan thẩm định.

5. Các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan thẩm định; nếu quá thời hạn mà không có văn bản trả lời thì được xem là đồng ý với nội dung được hỏi ý kiến và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực quản lý của mình.

Điều 32. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư:

a) Dự án không có cấu phần xây dựng nhóm A do Thành phố quản lý, trừ dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo Luật Đầu tư công.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng nhóm B, nhóm C (trừ dự án tại khoản 3 điều này) như sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C; trừ các dự án đã phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông, Ban quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư.

b) Sở Thông tin và Truyền thông quyết định đầu tư dự án thuộc chuyên ngành thông tin, truyền thông, bưu chính, viễn thông.

c) Ban quản lý Khu công nghệ cao quyết định đầu tư dự án thuộc địa giới quản lý.

3. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư dự án nhóm C do các đơn vị trực thuộc quận - huyện và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận - huyện làm chủ đầu tư.

Điều 33. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Đầu tư công.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư công

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 43 của Luật Đầu tư công:

a) Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình sử dụng vốn Ngân sách thành phố, gửi chủ chương trình hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện thành lập Hội đồng để tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình sử dụng vốn cân đối ngân sách quận - huyện, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách quận - huyện, gửi chủ chương trình hoàn chỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định chương trình thực hiện theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 34. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này thẩm định dự án.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình các cơ quan tại khoản 2 Điều 30 Quy định này thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao phòng có chức năng quản lý xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định dự án thực hiện theo Luật Xây dựng, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

Điều 35. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm A sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình Hội đồng thẩm định thành phố thẩm định dự án.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định thành phố, cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn Ngân sách thành phố:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Cơ quan quản lý dự án trình cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này thẩm định, quyết định đầu tư dự án.

3. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án nhóm C được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư:

a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí vốn chuẩn bị đầu tư, cơ quan quản lý dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

c) Cơ quan quản lý dự án hoàn chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo ý kiến thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

4. Hồ sơ, nội dung, thời gian thẩm định; hồ sơ, thời gian quyết định dự án thực hiện theo Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Điều 36. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án khẩn cấp

Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án khẩn cấp thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 37. Điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư công

1. Cơ quan quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện việc điều chỉnh chương trình, dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án dẫn đến thay đổi thẩm quyền quyết định đầu tư, cơ quan có thẩm quyền quyết định dự án có nội dung điều chỉnh thực hiện điều chỉnh dự án.

2. Chương trình, dự án được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại Điều 46 Luật Đầu tư công, Điều 61 Luật Xây dựng. Cấp có thẩm quyền chỉ được điều chỉnh chương trình, dự án sau khi cơ quan thẩm định thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá theo quy định.

3. Trình tự, nội dung lập, thẩm định, quyết định điều chỉnh chương trình, dự án; hồ sơ, nội dung thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án điều chỉnh; nội dung thẩm định, hồ sơ, thời gian quyết định điều chỉnh chương trình, dự án thực hiện theo quy định của Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 38. Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân quận - huyện cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất trình thẩm định, phê duyệt theo quy định. Sau khi kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, trong quá trình lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án từ nhóm B trở lên, chủ đầu tư có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư với các nội dung: sự cần thiết tách nội dung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư độc lập; dự kiến đơn vị làm chủ đầu tư dự án; đề xuất ghi vốn chuẩn bị lập dự án, khái toán tổng vốn để thực hiện dự án. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép tách phần giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập để thực hiện trước, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhóm A và thẩm định, phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhóm B, nhóm C theo quy định của Thành phố và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 39. Dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố được thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác

Trường hợp dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố được thực hiện trên địa bàn tỉnh, thành phố khác, các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này (đối với dự án có cấu phần xây dựng), Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án không có cấu phần xây dựng) chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo công tác lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện dự án phù hợp với Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương V
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 40. Vốn thực hiện dự án

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và quyết định đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện bố trí vốn thực hiện dự án cho các dự án để giải phóng mặt bằng, lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán của dự án hoặc hạng mục của dự án và tổ chức thi công cho các dự án đã hoàn thành nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án dự kiến hoàn thành, dự án đang thực hiện, dự án khởi công mới.

Điều 41. Tổ chức quản lý dự án

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư tại Điều 30 Quy định này quyết định hình thức tổ chức quản lý dự án là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực theo Điều 63 Luật Xây dựng năm 2014, Điều 17 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng và khoản 7 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

b) Trường hợp chủ đầu tư dự án không phải là Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thì người quyết định đầu tư giao chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án theo quy định.

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, việc quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Căn cứ yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án, người quyết định đầu tư tại Điều 32 Quy định này quyết định một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án sau nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án đã được phê duyệt:

- a) Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.
- b) Chủ đầu tư thuê tư vấn quản lý dự án.
- c) Chủ đầu tư thuê Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án khu vực thực hiện quản lý dự án.

Điều 42. Thẩm định thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng, chiều cao không quá 75m; công trình từ cấp II trở xuống trên địa bàn Thành phố theo quy định pháp luật về xây dựng.

b) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành tại khoản 2 Điều 30 Quy định này chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 3 bước); thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (trường hợp thiết kế 2 bước) công trình thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

c) Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng đối với dự án do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư.

d) Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư và dự án nhóm B, nhóm C do mình quyết định đầu tư.

b) Sở Thông tin - Truyền thông, Ban Quản lý Khu công nghệ cao tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm B, nhóm C do mình quyết định đầu tư.

c) Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thẩm định dự toán của dự án nhóm C do mình quyết định đầu tư.

3. Thời gian thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- a) Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III.
- b) Không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại.
- c) Trường hợp Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp đơn vị tư vấn thẩm tra, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản

thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn, ký hợp đồng với tư vấn thẩm tra; thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 20 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

Điều 43. Phê duyệt thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng:

a) Người quyết định đầu tư phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế ba bước; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trường hợp thiết kế hai bước.

b) Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán bước thiết kế bản vẽ thi công trường hợp thiết kế ba bước.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Thủ trưởng các cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này phê duyệt dự toán của các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

Điều 44. Điều chỉnh thiết kế, dự toán

1. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Cơ quan phê duyệt thiết kế, dự toán thực hiện điều chỉnh thiết kế, dự toán theo Điều 84 Luật Xây dựng và Điều 11 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Đối với dự án không có cấu phần xây dựng:

a) Thủ trưởng các cơ quan tại khoản 2 Điều 32 Quy định này tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán điều chỉnh của dự án do mình quyết định đầu tư

b) Đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định dự toán điều chỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 45. Lựa chọn nhà thầu

1. Đối với dự án nhóm A do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư:

a) Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thủ trưởng các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy định này tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án theo lĩnh vực, địa bàn quản lý.

b) Đối với dự án không có cấu phần xây dựng: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu mua thuốc, vật tư y tế.

2. Giám đốc các sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện được phân cấp quyết định đầu tư tại Điều 30 và Điều 32 Quy định này thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền theo Điều 73 Luật Đấu thầu năm 2013.

3. Chủ đầu tư dự án thực hiện trách nhiệm theo Điều 74 Luật Đấu thầu năm 2013.

4. Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư phải thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật khác có liên quan; bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

Điều 46. Giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu

1. Cơ quan quyết định đầu tư dự án cử cá nhân hoặc đơn vị có chức năng quản lý về hoạt động đấu thầu tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện của chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định khi thấy cần thiết; tập trung giám sát, theo dõi đối với các chủ đầu tư, bên mời thầu có thắc mắc, kiến nghị, đối với các gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, các gói thầu có giá trị lớn, đặc thù, yêu cầu cao về kỹ thuật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu đối với các dự án mua sắm do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư.

3. Việc giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu phải được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Điều 47. Quản lý cấp phép xây dựng

Việc quản lý cấp phép xây dựng thực hiện theo Quy định về cấp phép xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, đảm bảo phù hợp với Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 48. Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng

1. Công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, các văn bản hướng dẫn của Bộ Xây dựng và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu công nghệ cao chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo khoản 2 Điều 30 Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng do mình quyết định đầu tư; phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quản lý chất lượng các công trình trên địa bàn quận - huyện.

Điều 49. Quản lý, thanh toán vốn đầu tư các dự án đầu tư công

1. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước đến hết ngày 31 tháng 12 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

2. Thời gian giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm được kéo dài sang năm sau sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận. Trường hợp đặc biệt, được cấp có thẩm quyền cho phép thì được kéo dài thời gian giải ngân nhưng không quá kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 50. Quyết toán vốn đầu tư

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm B, C do các cơ quan tại Điều 30, Điều 32 Quy định này quyết định đầu tư.

Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án nhóm C do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các dự án từ nhóm B trở lên, khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đều phải thực hiện kiểm toán quyết toán vốn đầu tư trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Các dự án còn lại thực hiện kiểm toán quyết toán theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán được người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chấp thuận.

3. Thời gian lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư và trách nhiệm của các bên liên quan thực hiện theo quy định. Sau 06 (sáu) tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành, các chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết công nợ, tất toán tài khoản tại cơ quan thanh toán vốn đầu tư.

4. Cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước như sau:

a) Sở Tài chính thẩm tra và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm đối với các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý.

b) Cấp trên quản lý trực tiếp của chủ đầu tư phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án hàng năm của chủ đầu tư và Ban quản lý dự án.

5. Các dự án đầu tư đầu tư công của Thành phố sau khi hoàn thành đều phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước. Chủ đầu tư, chủ chương trình chịu trách nhiệm lập hồ

sơ quyết toán trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán đúng thời gian quy định. Đối với các dự án chậm lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, vi phạm quy định về lập hồ sơ quyết toán, Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch quận - huyện đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện biện pháp xử lý hoặc quyết định xử lý vi phạm theo quy định; đồng thời gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư danh sách các chủ đầu tư, chủ chương trình, nhà thầu vi phạm để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng các biện pháp theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước.

Chương VI

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ

Điều 51. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác giám sát, đánh giá chương trình, dự án đầu tư:

1. Giám sát chương trình, dự án đầu tư công

a) Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, chuẩn bị đầu tư dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, chuẩn bị đầu tư dự án.

b) Chủ chương trình, chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thực hiện theo dõi, kiểm tra toàn bộ quá trình đầu tư chương trình, dự án đầu tư công theo nội dung và các chỉ tiêu được phê duyệt nhằm bảo đảm mục tiêu và hiệu quả đầu tư.

c) Cơ quan chủ quản, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án thực hiện kiểm tra ít nhất một lần đối với các chương trình, dự án có thời gian thực hiện đầu tư trên 12 tháng.

d) Các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức theo dõi, kiểm tra chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý.

đ) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện chương trình, dự án theo nội dung chủ trương đầu tư được phê duyệt

e) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan chủ quản và người quyết định đầu tư quyết định việc tổ chức kiểm tra dự án theo kế hoạch hoặc đột xuất.

g) Nội dung giám sát chương trình, dự án đầu tư công được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Đánh giá chương trình, dự án đầu tư công

a) Chủ chương trình, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc.

b) Người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá đột xuất, đánh giá tác động. Người quyết định đầu tư có thể giao cho chủ sử dụng hoặc cơ quan chuyên môn trực thuộc tổ chức thực hiện đánh giá tác động dự án do mình quyết định đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công tổ chức thực hiện các loại đánh giá theo kế hoạch và đánh giá đột xuất dự án thuộc phạm vi quản lý.

c) Việc đánh giá chương trình, dự án được thực hiện theo Điều 11 và Điều 18 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

d) Nội dung đánh giá dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 81 của Luật Đầu tư công.

3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Lập Kế hoạch giám sát, đánh giá dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố (kể cả các dự án phân cấp và ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư) định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả giám sát, đánh giá dự án.

b) Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư; hướng dẫn các Sở, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các chủ đầu tư thực hiện công tác giám sát đánh giá đầu tư.

c) Đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (sau đây gọi tắt là hệ thống thông tin nghiệp vụ) của các cơ quan, đơn vị, Tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố nhằm đảm bảo thông tin của tất cả các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công đều được cập nhật trên hệ thống.

d) Xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền về giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định xử lý đối với các chủ đầu tư dự án không thực hiện cập nhật thông tin hoặc không báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

e) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định xử lý: Khiển trách đối với các chủ đầu tư không có báo cáo 2 kỳ liền hoặc 3 kỳ không báo cáo; cảnh cáo đối với các chủ đầu tư không báo cáo 3 kỳ liền hoặc 4 kỳ không báo cáo; thay chủ chương trình, chủ đầu tư; không giao làm chủ đầu tư các dự án khác.

Điều 52. Giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

Các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các công ty - tổng công ty trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư trong phạm vi quản lý theo quy định

Điều 53. Giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

2. Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc phường - xã trong việc tổ chức triển khai, thực hiện công tác giám sát đầu tư của cộng đồng.

Điều 54. Chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư

1. Báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án

a) Cơ quan được giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định chủ trương đầu tư dự án.

b) Cơ quan được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi trình quyết định đầu tư dự án.

c) Chủ đầu tư các dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá định kỳ: quý I, 6 tháng, quý III và năm; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi khởi công dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá trước khi điều chỉnh dự án; Báo cáo giám sát, đánh giá kết thúc dự án; Báo cáo đánh giá dự án đầu tư do mình tổ chức thực hiện.

d) Chủ sử dụng dự án đầu tư công thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư các loại báo cáo sau: Báo cáo giám sát, đánh giá tình hình khai thác, vận hành dự án hàng năm trong thời gian từ khi đưa dự án vào khai thác, vận hành đến khi có Báo cáo đánh giá tác động dự án; Báo cáo đánh giá tác động dự án.

2. Chế độ cập nhật thông tin chương trình, dự án trực tuyến đối với chủ đầu tư, chủ dự án thành phần

a) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt đầu tư, phải thực hiện cập nhật thông tin chương trình, dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định đầu tư vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

b) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có điều chỉnh hoặc phát sinh, phải cập nhật các thông tin sau vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ, bao gồm: phê duyệt điều chỉnh dự án; phê duyệt, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch, kết quả lựa chọn nhà thầu; hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng; kế hoạch vốn được cấp; giá trị nghiệm thu, giá trị giải ngân; thông tin về đánh giá, kiểm tra.

c) Định kỳ hàng tháng, phải cập nhật khối lượng thực hiện tại hiện trường; thông tin hình ảnh hoặc phim về hiện trạng thi công tại hiện trường đối với các dự án có cấu phần xây dựng (nếu có phát sinh).

d) Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt quyết toán phải thực hiện cập nhật thông tin quyết toán dự án theo Quyết định phê duyệt quyết toán khi kết thúc chương trình, dự án.

đ) Các văn bản yêu cầu phải đính kèm bản quét màu (bản scan) văn bản gốc hoặc văn bản điện tử có chữ ký số chuyên dùng lên Hệ thống thông tin nghiệp vụ bao gồm: Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định đầu tư điều chỉnh (nếu có); Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán; Quyết định điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (nếu có); Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có); Báo cáo kết quả đánh giá; Báo cáo kết quả kiểm tra; Báo cáo giám sát, đánh giá dự án theo quy định tại Khoản 5 Điều này; Quyết định phê duyệt quyết toán.

e) Định kỳ hàng quý, trước ngày 30 của tháng cuối quý (riêng quý IV là vào ngày 31 tháng 01 năm sau) phải rà soát, bổ sung thông tin chương trình, dự án và xác nhận dữ liệu đã cập nhật.

g) Chịu trách nhiệm về thông tin, dữ liệu đã cập nhật vào Hệ thống thông tin nghiệp vụ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật do báo cáo, cung cấp thông tin không chính xác về tình hình thực hiện đầu tư trong phạm vi quản lý.

3. Chế độ cập nhật thông tin chương trình, dự án trực tuyến đối với các Sở-ban-ngành, Ủy ban nhân dân các quận-huyện, Tổng công ty, công ty trực thuộc thành phố

a) Chịu trách nhiệm đôn đốc, giám sát việc thực hiện quy định về cập nhật thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các cơ quan cấp dưới, các chủ đầu tư, các chủ dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý.

b) Chỉ đạo các chủ chương trình, chủ dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện cập nhật thông tin, báo cáo của dự án theo đúng nội dung và thời gian quy định.

c) Định kỳ hàng quý, trước ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo phải thực hiện xác nhận dữ liệu đã cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của các chương trình, dự án do các chủ dự án thành phần, chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý cập nhật trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ.

4) Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư

Các cơ quan, đơn vị thực hiện Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng và cả năm trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 09 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước; thay thế cho việc báo cáo giấy định kỳ.

Điều 55. Thời hạn báo cáo về giám sát, đánh giá đầu tư

1. Thời hạn báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư:

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện báo cáo giám sát tổng thể đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 6 tháng trước ngày 05 tháng 07 hàng năm và báo cáo cả năm trước ngày 05 tháng 02 năm sau.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư 06 tháng trước ngày 10 tháng 07 hàng năm và cả năm trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

2. Thời hạn cập nhật báo cáo giám sát, đánh giá dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin nghiệp vụ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 69 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Điều 56. Trách nhiệm và xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư

Trách nhiệm và xử lý vi phạm của các cơ quan, đơn vị thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các chương trình, dự án đã được thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải thẩm định lại. Cơ quan thẩm định có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư. Trong quá trình triển khai chương trình, dự án, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt các bước tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

2. Các chương trình, dự án đã gửi hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu khả thi về cơ quan thẩm định nhưng chưa được thẩm định, chủ chương trình, cơ quan quản lý dự án nhận lại hồ sơ để thực hiện theo trình tự, thủ tục của Quy định này.

3. Trường hợp điều chỉnh chương trình, dự án đã được quyết định đầu tư trước ngày Quy định này có hiệu lực, thẩm quyền thẩm định, quyết định điều chỉnh thực hiện theo Quy định này.

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện nhiệm vụ đúng thời gian theo Quy định này và phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố nếu để xảy ra tình trạng giải quyết hồ sơ vượt quá thời gian quy định.

2. Khi hỏi ý kiến của các cơ quan có liên quan, cơ quan hỏi phải nêu rõ ý kiến của mình. Nếu quá thời gian cho phép mà cơ quan được hỏi không trả lời thì xem như chấp thuận và phải chịu trách nhiệm về những nội dung được hỏi ý kiến; cơ quan hỏi ý kiến thực hiện các bước tiếp theo mà không phải chờ văn bản trả lời của cơ quan được hỏi ý kiến.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và trình tự, thủ tục thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Quy định này, làm đầu mối tập hợp các báo cáo, vướng mắc và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong